

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **08/2019/HS-ST**

Ngày: 08/3/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lãnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phan Thị Thu;

+ Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Diễm My; Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nịnh Văn L; Sinh ngày 03/10/2000 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: San chí; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nịnh Văn T, sinh năm 1943 và bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1977; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2018. Có mặt.

- Bị hại:

Anh Lê Đồng D; Sinh năm: 1989; Trú tại: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị Hoài T; Sinh năm: 1993; Trú tại: Khối phố H, phường H, Thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Trương Công L; Sinh năm: 1995; Trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Phùng Ngọc C (Tên gọi khác: T); Sinh năm: 1988; Trú tại: Khối phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Tô Viết D; Sinh năm: 2002; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Viết T; Sinh năm: 1967; Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn Xuân T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Tô Viết T; Sinh năm: 1967; Trú tại: Thôn X, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Anh Mai Trung D; Sinh năm: 1985; Trú tại: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Tấn T; Sinh năm: 1978; Trú tại: 130 T, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Viết P; Sinh năm: 1997; Trú tại: Thôn T, xã T, Thành phố p T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Anh Võ Hoàng Anh V; Sinh năm: 1992; Trú tại: Khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2018, Ninh Văn L mượn xe mô tô BKS 92K4 – 2643 của Tô Viết D để đi về nhà. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, Lợi nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên điều khiển xe mô tô trên đến chợ Việt An, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức. Lúc này L để xe trong chợ, sau đó đi bộ qua tiệm điện thoại Đồng D trước cổng chợ, trèo qua khung sắt cửa vào bên trong tiệm điện thoại Đồng D, lấy trộm tổng cộng 32 chiếc điện thoại di động của anh Lê Đồng D. Sau đó, L đi cầm cố và bán điện thoại cho chị Nguyễn Thị Hoài T, anh Trương Công L, anh Võ Hoàng Anh V, anh Hồ Tấn T, ông Tô Viết T, anh Mai Trung, anh Nguyễn Viết P được tổng cộng số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), L sử dụng số tiền này mua 01 xe mô tô Winner BKS 92L1 - 187.01 màu đỏ đen với số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) của anh Phùng Ngọc C để sử dụng làm phương tiện đi lại, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận số 28/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Hiệp Đức xác định 32 chiếc điện thoại di động mà L đã trộm cắp có giá trị: 147.550.000đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Ninh Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2, Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Ninh Văn L với mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên trả lại 05 điện thoại di động cho anh Lê Đồng D và tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 7 màu trắng, đỏ của bị cáo. Trả lại 01 giấy bán xe cho anh Phùng Ngọc C ghi ngày 28/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) buộc Ninh Văn L tiếp tục bồi thường thiệt hại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2018, Ninh Văn L nảy sinh ý định trộm cắp nên điều khiển xe mô tô BKS 92K4 – 2643 mượn của Tô Viết D (con ông Tô Viết T) đến chợ Việt An, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức. Tại đây, L lợi dụng đêm khuya, lén lút vào tiệm điện thoại Đồng D của anh Lê Đồng D trộm cắp 32 chiếc điện thoại di động. Sau đó, L đi cầm cố và bán điện thoại nhiều nơi được tổng cộng số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*), L sử dụng số tiền này mua 01 xe mô tô Winner BKS 92L1 - 187.01 màu đỏ đen với số tiền 31.000.000đ (*Ba mươi một triệu đồng*) của anh Phùng Ngọc C, còn lại L tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận số 28/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Hiệp Đức xác định 32 chiếc điện thoại di động mà L đã trộm cắp có giá trị: 147.550.000đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hành vi trên của bị cáo Ninh Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với hành vi của anh Tô Viết D cho L mượn xe mô tô BKS 92K4 – 2643 nhưng không biết L sử dụng vào mục đích làm phương tiện trộm cắp, sử dụng 01 chiếc điện thoại mà L bán nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên không xử lý hành vi của anh Tô Viết D.

Đối với chị Nguyễn Thị Hoài T, anh Trương Công L, anh Võ Hoàng Anh V, anh Hồ Tấn T, ông Tô Viết T, anh Mai Trung D, anh Nguyễn Viết P là người mua và cầm điện thoại của Ninh Văn L nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Đối với anh Phùng Ngọc C là người bán xe mô tô Winner BKS 92L1 - 187.01 với số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) cho Ninh Văn L nhưng không biết số tiền này là bất chính nên không xử lý.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo thật nghiêm để cải tạo, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong thời gian tạm giam bị cáo đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để khắc phục một phần thiệt hại. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi một phần số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trả cho anh D. Bị cáo là người dân tộc San Chí; cha, mẹ ly hôn lúc còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản

1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017) xét giảm nhẹ một phần hình phạt và đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, hành vi trộm cắp của bị cáo gây thiệt hại lớn cho bị hại, gây mất an ninh, trật tự trong xã hội, nên cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Lê Đồng D và bị cáo Ninh Văn L tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức đã thống nhất thỏa thuận như sau: Bị cáo Ninh Văn L bồi thường cho anh Lê Đồng D số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Anh D đã nhận được số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) từ việc bị cáo bán điện thoại đã trộm cắp và đến ngày 05/3/2019 bị cáo tiếp tục nộp số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức. Còn lại số tiền 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*), tại phiên tòa giữa bị cáo và người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này vào phần Quyết định của Bản án. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Công L và bị cáo Ninh Văn L thỏa thuận bồi thường số tiền 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa anh L vắng mặt và bị cáo đã thống nhất bồi thường số tiền trên. Xét thấy việc bị cáo phải bồi thường cho anh Trương Công L là phù hợp nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Trương Công L số tiền 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Trung Dũng, chị Nguyễn Thị Hoài Thương, anh Hồ Tấn Thương, ông Tô Viết Thành, anh Tô Viết Danh không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Ngọc C và bị cáo Ninh Văn L đã thống nhất thỏa thuận: Anh C nhận lại chiếc xe mô tô Winner BKS 92L1 - 187.01 và trả lại cho bị cáo số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Anh C đã trả số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Võ Hoàng Anh V đã cầm 02 cái điện thoại với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và Nguyễn Viết P đã cầm 02 điện với số tiền

5.000.000đ (Năm triệu đồng) do Ninh Văn L trộm cắp mà có. Hiệp nay V và P không có mặt tại địa phương, không làm việc được về vấn đề dân sự nên tách ra giải quyết trong vụ việc khác khi đủ điều kiện.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 92K4 – 2643, bị cáo L mượn để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Ngày 21/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Tô Viết T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô BKS 92L1 - 187.01; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005463, biển số đăng ký 92L1 - 187.01, bị cáo L dùng số tiền bán tài sản trộm cắp được để mua chiếc xe trên của anh Phùng Ngọc C. Ngày 21/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức đã trao trả lại cho chủ sở hữu là anh Phùng Ngọc C là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Đức trả 09 (chín) chiếc điện thoại di động mà bị cáo trộm cắp cho anh Lê Đồng D (*thể hiện tại Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ghi ngày 21/12/2018 giữa Công an và anh Lê Đồng D*) là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 05 (năm) chiếc điện thoại di động, đây là tài sản bị cáo trộm cắp của anh D nên tuyên trả lại cho anh Lê Đồng D và 01 điện thoại Iphone 7 màu trắng, đỏ của bị cáo mà bị cáo đã dùng vào việc thực hiện tội phạm nên tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Tất cả vật chứng này được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức được lập ngày 24/01/2019).

+ 01 (một) giấy bán xe ghi ngày 28/10/2018 nên tuyên trả lại cho anh Phùng Ngọc C.

+ Ngày 19/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức đã tiến hành truy tìm vật chứng 01 (một) cái áo sơ mi, 01 (một) đôi găng tay L dùng để đi trộm cắp tài sản, 02 (hai) chiếc điện thoại di động đã trộm cắp nhưng không tìm thấy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Những chiếc điện thoại còn lại mà L đã trộm cắp, Lợi không nhớ đã cầm cố và bán tại đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Đức không tiến hành truy tìm được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí HS-ST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với án phí DS-ST, bị cáo và bị hại trước khi mở phiên tòa đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận trên thì áp dụng điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu. Bị cáo phải chịu phần án phí DS-ST đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Ninh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ninh Văn L 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời gian thi hành án kể từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 30/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự thỏa thuận sau: Bị cáo Ninh Văn L thống nhất bồi thường cho anh Lê Đồng D số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường cho anh D số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) từ việc bán điện thoại đã trộm của anh D. Còn lại là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) được khấu trừ số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức tại Biên lai thu tiền số 006559 ngày 05/3/2019. Bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh D số tiền 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Ninh Văn L bồi thường cho anh Trương Công L số tiền 4.200.000đ (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên:

- + Trả lại cho chủ sở hữu anh Lê Đồng D 05 (năm) chiếc điện thoại di động.
- + Tịch thu, bán nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7 màu trắng, đồ của bị cáo Ninh Văn L.

(Hiện nay, những vật chứng này được mô tả và đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

- + Trả lại 01 (một) giấy bán xe cho anh Phùng Ngọc C ghi ngày 28/10/2018.

(Hiện nay, vật chứng này đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án)

Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Ninh Văn Lợi phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/3/2019). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Công an huyện H ;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lãnh